



THẦN LINH HỌC và THÔNG THIÊN HỌC

(Spiritualism and Theosophy)

Tác giả H. S. Olcott

Thuyết trình trước diễn đàn của Viện Phục vụ Liên bang Ấn Độ tại Simla

Ngày 7 tháng 10 năm 1880.

Nhà Xuất bản Thông Thiên Học, Adyar, Chennai (Madras), Ấn Độ.

Cách đây 13 năm, một trong những thẩm phán lỗi lạc nhất của nước Mỹ hiện đại – John W. Edmonds, Chánh thẩm Tòa Tối cao New York – có tuyên bố trong một tạp chí ở Luân đôn rằng vào lúc bấy giờ ở nước Mỹ có ít ra là 10 triệu nhà Thần linh học. Lúc bấy giờ không ai có đủ tư cách hơn ông để nêu ý kiến về đề tài này, vì chẳng những ông có liên lạc thư tín với mọi người ở khắp nơi trong xứ ấy, mà vì đức tính cao cả của con người cùng với học thức, lòng vô tư về luật pháp và tính bảo thủ của ông đã khiến ông trở thành một nhân chứng có thẩm quyền nhất và đầy sức thuyết phục nhất. Còn một người có thẩm quyền khác nữa, một nhà tuyên truyền nổi tiếng cả trong giới công luận lẫn tư luận không có tí vết, Đức Ông Robert Dale Owen, trong khi ủng hộ ước tính của Thẩm phán Edmonds, đã nói thêm rằng ít ra trong giới Ki Tô giáo còn lại cũng có một số người tương đương như thế. [*Vùng đất còn Tranh chấp giữa Thế giới này và Thế giới bên kia*, trang 174, ấn bản Luân đôn, năm 1874]. Tuy nhiên để tránh mọi nguy cơ thổi phồng sự thật, ta chỉ suy diễn một phần tư của mỗi bên rồi cộng lại thì (đến năm 1874), tổng số người được gọi là nhà Thần linh học đã lên tới 15 triệu người. Nhưng dù có bao nhiêu người được qui cho là tin vào sự giao tiếp công khai hiện nay giữa thế giới vật chất của ta với thế giới u hồn thì vẫn có một sự thật mà ai cũng biết là trong số đó có một số trí thức sắc xảo nhất thời nay. Bây giờ không còn là vấn đề của những kẻ quê mùa và những cô thôn nữ nọ thì ưa động kinh lừa gạt mình. Những kẻ nào chối bỏ sự

thật của những hiện tượng đương đại này ắt phải đối đầu với đông đảo những nhà khoa học tài ba nhất đã từng dốc hết sức lực chuyên nghiệp của mình để xác định bản chất của lực đang tác động để rồi bằng khuôn đi tìm bất cứ lời giải thích nào khác hơn là một loại tác nhân siêu mộ phần nào đó. Bắt đầu từ Robert Hare (người phát minh ra ống thổi Hydro Oxy) cho tới Nestor của ngành Hóa học nước Mỹ và cuối cùng là Fr. Zollner, Giáo sư Vật lý Thiên văn ở Đại học Leipzig, danh sách những nhà thực nghiệm đã cải giáo này bao gồm một loạt các chuyên gia về Khoa học Vật lý thuộc hạng chuyên nghiệp nhất. Có lẽ ngoại trừ Zollner – ông muốn kiểm chứng lại thuyết của mình về chiều đo thứ tư trong không gian – mỗi nhà khoa học đều bắt đầu nhiệm vụ khảo cứu với mục đích rành rành là lật tẩy điều bị nghi là lường gạt để phục vụ lợi ích đạo đức của công chúng; thế mà mỗi người lại bị biến thành một kẻ rờ ràng tin vào sự thật về các hiện tượng đồng cốt do cái luận lý không thể cưỡng lại được của sự thật.

Những nhà khoa học này đã phát minh ra những dụng cụ tinh xảo bậc nhất để trắc nghiệm quyền năng của giới đồng cốt. Các khí cụ ấy thuộc bốn loại (a) – máy móc để xác định xem liệu có một dòng từ hoặc điện nào đang tác động hay chẳng, (b) – liệu chuyển động của những đồ vật nặng (chẳng hạn như những cái bàn) do người đồng cốt chạm vào có do sự co cơ hữu ý hoặc vô ý hay chẳng, (c) – liệu một người tham gia buổi lên đồng có thể giao tiếp một cách thông minh hay chẳng trong những tình huống đã phòng ngừa được bất kỳ mảnh khõe có thể nào của người đồng cốt, (d) – đâu là điều kiện để biểu hiện cái dạng năng lượng mới và giới hạn cực độ của các tác động của nó. Dĩ nhiên trong một bài thuyết trình kéo dài một tiếng đồng hồ tôi chẳng thể miêu tả tới 1/10 của các máy móc ấy, nhưng tôi xin đưa ra hai thứ máy để minh họa cho hai ngành khảo cứu nêu trên. Máy thứ nhất được miêu tả trong tác phẩm của giáo sư Hare. Người đồng cốt và người điều tra ngồi đối diện với nhau, tay người đồng cốt được đặt lên trên một tấm bảng được treo lủng lẳng và điều chỉnh sao cho dù y có ấn lên cái bảng hay không thì y cũng chỉ làm di động được cái bảng chứ không còn gì khác nữa. Trước mặt người tham quan là một mặt đồng hồ chung quanh đó có bố trí các chữ cái trong bộ mẫu tự, 10 con số, những từ “có”, “không”, “chưa chắc” và có lẽ một số từ khác. Một cái kim chỉ gắn liền với một đòn bẩy, đầu kia của đòn bẩy được bố trí sao cho nó tiếp nhận bất cứ dòng lực nào chạy xuyên qua hệ thống của người đồng cốt nhưng không chịu ảnh hưởng bất kỳ áp lực cơ học nào mà y có thể tác động lên điểm tựa để kê cái kim chỉ, qua đó chạy vòng vòng trên mặt đồng hồ chỉ vào một chữ cái hoặc các từ mà sinh linh thông tuệ đang giao tiếp muốn viết ra. Vì mặt sau của mặt đồng hồ hướng về người đồng cốt cho nên dĩ nhiên y không thể nhìn thấy kim chỉ đang chỉ vào đâu và nếu người điều tra giấu nhem không cho y thấy tờ giấy ghi tốc ký lại buổi giao tiếp thì thậm chí y cũng chẳng phỏng đoán được người ta nói chuyện ra sao.

Một khí cụ khác được miêu tả và minh họa trong sách chuyên môn mang tựa đề *Khảo cứu về Hiện tượng Thần linh học* của ông William Crookes, hội viên Hội Hoàng gia, Tổng biên tập tạp chí Khoa học Tam cá nguyệt và là một trong những nhà hóa học thực nghiệm thành công nhất đương thời. Một tấm bảng bằng gỗ gụ, dài 36 phân Anh, rộng 9,5 phân Anh và dày một phân Anh, tựa một đầu trên cái bàn, bên trên một dải giấy cắt bằng mép dao; đầu bên kia của nó được treo vào một cái cân lò xo được cải tiến dùng làm dụng cụ ghi đo tự động, treo lơ lửng từ một cái kiềng ba chân vững chắc. Trên mép bàn của cái bảng ấy, ngay bên trên điểm tựa có đặt một cái bình lớn chứa đầy nước. Một lọ bằng đồng nhúng chìm trong nước tới độ sâu 1,5 phân Anh tính từ mặt nước, đáy bình bằng đồng được đục lỗ để cho nước tràn vào; bình bằng đồng này được đỡ bằng một vành đai sắt cố định hàn cứng vào một cái đế bằng sắt vững chãi trên nền nhà. Người đồng cốt phải nhúng tay vào nước ở bên trong bình bằng đồng, và vì bình bằng đồng được nâng đỡ vững chắc bằng cái đế và vành đai của chính nó chứ không đụng chạm gì tới cái bình bằng thủy tinh chứa nước, cho nên ta thấy rằng nếu có xảy ra một sự đè lên kim chỉ của cái cân lò xo ở đầu bên kia của tấm bảng, thì điều này dứt khoát cho thấy rằng có dòng lực (cân được tính bằng cân Anh nhân với lại bộ Anh), lực ấy đang

chạy xuyên qua cơ thể của người đồng cốt. Thật vậy, cả Tiến sĩ Hare với khí cụ của ông lẫn ông Crookes với máy móc của mình đều đạt được mục đích như mong muốn chứng tỏ rằng một vài hiện tượng đồng cốt có xảy ra mà không có sự can thiệp, dù là trung thực hay không trung thực của người đồng cốt. Dựa trên lời gợi ý của ông Serjeant Cox đã quá cố, ông Crookes đặt tên cho cái năng lượng được biểu lộ ấy một cái tên thỏa đáng là Lực Tâm linh, cho nên từ đây về sau trong bài thuyết trình này tôi cũng xin gọi nó như thế.

Tôi đề cập tới hai loại máy móc này chỉ để cho những người có lẽ chưa bao giờ điều tra về vấn đề này, đừng có sa vào cái lỗi lầm thông thường nghĩ rằng các hiện tượng lạ toàn là chuyện lừa gạt bởi vì các nhà khoa học khôn khéo nhất đã cực kỳ cẩn thận phòng ngừa khả năng bị lừa bịp trong quá trình thí nghiệm. Nếu có một sự kiện mà khoa học đã chứng minh được là có một loại lực *nào đó* mới lạ và rất bí hiểm đã từng biểu lộ từ tháng 3 năm 1848, khi cái trò hiển thánh hiện đại này đã bộc lộ ra với một loạt những cú gõ ở một thôn hẻo lánh tại Tiểu bang New York. Bắt đầu bằng những âm thanh phản kích này, từ đó trở đi nó đã phô trương năng lượng của mình qua hàng trăm hiện tượng lạ khác mà bất kỳ giả thuyết đã biết nào của khoa học đều không giải thích được và các hiện tượng ấy xảy ra hầu hết (nếu không phải là hoàn toàn) ở mọi xứ trên quả địa cầu. Để dễ dàng cho việc nghiên cứu nó, phổ biến các định luật của nó, phổ biến những biểu lộ thông minh của nó, cứ chốc một lại có hàng trăm tạp chí và quyển sách được xuất bản bằng nhiều thứ tiếng khác nhau; phong trào này có những trường phái và giáo hội, những phòng hội họp, những người thuyết giảng và giảng dạy, một đoàn thể gồm những người nam và nữ ít ra lên tới hàng ngàn người đang dồn hết thời giờ và sức sống cho cái nghề đồng cốt. Đi đến đâu ta cũng đụng phải những người đồng cốt hay “thông linh” này, ở các cung điện của hoàng gia cũng như trong mái lá của người nông dân, đều thấy có những năng khiếu đồng cốt hoặc thông linh đa dạng chẳng khác nào cá tính của họ.

Điều gì đã gây ra một sự lan tràn trên khắp thế giới của phong trào mới này làm cho công chúng phải tốn khá nhiều tiền bạc và gây ra hậu quả xã hội rộng lớn như thế? Điều gì đã thôi thúc biết bao nhiêu người thông minh nhất thuộc mọi xứ sở, mọi giáo phái và mọi dân tộc tiếp tục khảo cứu như thế? Điều gì đã giữ cho sống động mãi đức tin của biết bao triệu người, bất chấp vô số những sự lật tẩy ngao ngán về trò xỏ lá của đám đồng cốt, về khuynh hướng vô luân của nghề đồng cốt không ai kiểm soát cũng như nói chung là các cuộc giao tiếp mà ta nhận được đều mang tính ấu trĩ và thường xuyên tạc bịa đặt? Đó là vì trong lòng người đã dâng lên một niềm hi vọng cuối cùng người ta cũng có được bằng chứng thực nghiệm về việc sống sót sau khi cái xác đã chết và thoáng nhìn được (nếu không phải là khái huyền tron vẹn được) số phận tương lai của mình. Giống như người chết đuối vớ được cọc, tất cả hàng triệu người này đều bám lấy một hi vọng duy nhất là giờ đây vấn đề xưa như trái đất “con người là cái gì, từ đâu đến rồi đi về đâu” sẽ được giải quyết một lần cho dứt khoát. Chỉ cần liếc nhìn qua kho tài liệu của Thần linh học là ta ắt thấy niềm vui, niềm an ủi và sự an dưỡng đời đời đang khích lệ cho những hiện tượng quái đản thường hay làm điên tiết người ta trong buổi lên đồng. Nước mắt đã ngừng chảy từ hàng tỉ đôi mắt khi người thân đã quá cố phải từ biệt, chuyện sinh ly giữa những người yêu thương nhau và bạn bè chí cốt của nhau không còn bị những tin đồn này coi là chuyện mãi mãi nữa. Con bão tố không còn làm ai sợ sệt, những cuộc khủng bố trên chiến trường và dịch bệnh đã mất đi quyền lực ghê gớm nhất đối với nhà Thần linh học thời nay. Việc giả định rằng có thể giao tiếp được với người chết cùng với thông điệp của người chết đã làm xói mòn thâm quyền không thể sai lầm của thần học theo giáo điều. Nhà Thần linh học nhắm vào tín ngưỡng mới giờ đây lờ mờ thấy được những nét phác họa của một Thế giới Trường hạ nơi chúng ta sinh hoạt bận bịu chẳng kém gì trên Trần thế. Thay vì dường như là cái miệng há hốc ra nuốt chửng vào một cõi hư vô u ám thì ngôi mộ phần đâm ra chỉ có vẻ là ngưỡng cửa u linh đưa tới một xứ sở với ánh sáng thanh thiên bạch nhật không ngừng tiến bước về trạng thái tốt đỉnh có thể toàn bích được.

Không đâu, những nét phác họa hoang tưởng của Thế giới Trường hạ này đã trở nên xác định đến nỗi người ta thường đọc thấy chuyện trong thế giới vong linh, con nít lớn lên thành người lớn, có cả những trường đại học và hàn lâm viện để hướng dẫn kẻ phạm phu mà chủ trì là các nhà hiền triết trên thế giới đã quá cố; thậm chí có những cuộc hôn nhân giữa những người nam nữ còn sống sờ sờ với đám công dân của thế giới vong hồn! Một trường hợp điển hình là Đức Ông Thomas Lake Harris – người sáng lập ra Công đồng xã hội chủ nghĩa ở Hồ Erie mà Laurence Oliphant và mẹ ông đã gia nhập – công bố rằng ông kết hôn môn đương hộ đối với một vong linh nữ và một đứa trẻ con đã ban phước cho cuộc hôn nhân ấy! Còn một trường hợp khác là cuộc hôn nhân của hai vong linh trước sự hiện diện của các nhân chứng còn sống, do một tu sĩ còn sống làm phép; chuyện này được tường trình năm ngoái trong những tờ báo của phong trào Thần linh học: một ông tên là Pierce, con của một vị cựu Tổng thống Mỹ và đã chết từ lâu rồi, nghe đâu “hiện hình” ra (nghĩa là tạo ra cho mình một hình dáng trông thấy được và sờ thấy được) ở nhà một người đồng cốt Mỹ nào đó; một giáo sĩ được triệu thỉnh tới trong dịp này đã làm phép kết hôn ông ta cho một vong hồn phụ nữ chết yếu lúc mới tròn 7 tháng nhưng giờ đây đã lớn bổng lên trở mã thành một thiếu nữ xuân thì và cũng hiện hình ra trong lễ cưới! Hai bên trao đổi lời thệ nguyện và tiếp nhận bí tích hôn nhân, tân lang và tân giai nhân ngồi vào bàn vui vầy với bạn bè được mời tới; sau khi uống cạn một hai chén rượu mừng, cả hai biến mất thành mây khói, kể cả xiêm y, găng tay trắng, vải sa tanh, đăng ten và đủ mọi thứ khác! Ất hẳn quý vị gọi đây là chuyện vớ vẩn của Thần linh học và quý vị đứng thối; tuy nhiên điều này cho thấy rõ ràng rành rành rằng nếu không muốn nói là duy vật thô thiển thì cái quan điểm của trật tự thế giới bên kia cửa tử đã thay thế cho nỗi niềm lo sợ mơ hồ xưa cũ đã đè nặng trĩu lên chúng ta với những lo âu thấp thòm. Trong một chừng mực nào đó thì tâm trạng này dứt khoát là thắng lợi, nhưng tôi rất tiếc là phải nói rằng các nhà Thần linh học đã thừa thắng xông lên để trở thành những kẻ giáo điều mới. Dần dần một đoàn thể những kẻ cuồng nhiệt đang được hình thành, họ đã khoát một hào quang thánh thiện lên cho người đồng cốt và bằng cách dẹp đi những điều kiện thử thách họ đã mời gọi việc thực hiện những trò lừa đảo thô thiển. Quả thật, người ta đã từng bắt tại trận đám đồng cốt dùng mảnh khố xung quanh toàn là đạo cụ tư trang, gỗ vụn giả, tóc giả và con rối để có thể lừa bịp khiến người ta coi họ là thánh tử vì đạo làm cho đám đa nghi phải lòng lộn lên; bằng chứng đầy tội lỗi của họ đã được bí mật cung cấp qua những kẻ không tin và giáng một đòn chí tử cho chính nghĩa thiêng liêng của họ! Sự căm hận hấu hấu của một đoàn thể đông đảo những nhà Thần linh học đã làm nảy sinh ra 90% các mảnh khố thiếu trung thực của đám đồng cốt. Trong bài đề tựa cho *Tam cá nguyệt san Khoa học*, ông Crookes có nhận xét trung thực rằng: “Trong vô số những điều quan sát mà tôi đọc được biên bản phúc trình, dường như ít có một trường hợp hội họp nào được tổ chức với mục đích rõ rệt là đặt những hiện tượng lạ đó trong tình huống trắc nghiệm được”. Thế nhưng, mặc dù đúng như vậy, hầu như cũng chắc chắn là trong vòng 32 năm vừa qua, những người điều tra về các hiện tượng lạ này đã kiểm chứng được hàng ngàn chứng cứ cho thấy các hiện tượng lạ xảy ra trong tình huống hoàn toàn độc lập với tác nhân vật lý của những người có mặt; có một trí thông minh, đôi khi cá tính nổi bật, đang được phô diễn qua việc kiểm soát các lực huyền bí tạo ra hiện tượng lạ ấy. Niềm tin không thể lay chuyển được của hàng triệu nhà Thần linh học vốn dựa trên cái kho bao la những sự kiện đã được trắc nghiệm này, vì nó vững như bàn thạch. Số lớn những kinh nghiệm cá nhân này là thành lũy mà các nhà Thần linh học ẩn núp sau đó bất cứ khi nào thế giới bên ngoài gồm những kẻ đa nghi xục xạo tìm xem liệu cái “ảo giác” tập thể ấy có sụp đổ tan tành trước sự công kích của một kẻ phê phán *sắc xảo* mới mẻ nào đó, hoặc là cái việc lật tẩy mới nhất trở bịp bợm giả dối của đám đồng cốt có làm họ xấu hổ hay chẳng. Đến lúc này thì ta mới khám phá ra rằng thật còn tệ hơn nữa khi cố gắng chế nhạo bằng chứng hiện thực của các giác quan con người khi thấy một vật rất nặng tự mình được nhấc bổng lên treo lơ lửng trên không trung hoặc thấy chữ được viết ra mà không có ai tiếp xúc, hoặc thấy một hình người tan biến đi trước mắt mình, để rồi tin vào cái thuyết cho rằng mọi hiện tượng đồng cốt chỉ là do “sự co cơ bắp”, do “sự chú ý đầy mong ước” hoặc do “tác động trí não vô ý thức”. Chính vì thử làm như

thể cho cả đoàn thể khoa học gia đã bị nhà tâm lý học lão luyện tỏ thái độ vừa coi thường vừa thương hại. Ông Wallace cho ta biết rằng sau khi điều tra kỹ lưỡng, ông chưa bao giờ thấy có một người nào, sau khi đã tự mình hiểu biết nhiều về các giai đoạn chính yếu của hiện tượng lạ mà sau đó lại không tin vào sự thực ấy. Kinh nghiệm của tôi thì cũng thế thôi. Một số người không còn là “nhà Thần linh học” nữa và cải đạo thành Ki Tô hữu Công giáo, nhưng họ chưa bao giờ nghi ngờ sự thực về các hiện tượng lạ. Sẽ có một ngày đẹp trời mà mọi kẻ yêu chuộng khoa học chân chính hân hoan chào đón khi các giáo sư thời nay vứt bỏ được cái ý tưởng ngông cuồng cho rằng chỉ có thời nay mới đầy hiểu biết để hạ mình khiêm tốn không còn nghi vấn các tài liệu ghi chép lại của khoa học cổ sơ.

Chúng ta đã thấy rằng các thí nghiệm của Tiên sĩ Hare và ông Crookes chứng tỏ được sự tồn tại của một dòng lực; vì vậy ta chẳng cần phải bận tâm thêm nữa với nhiều phỏng đoán thô thiển cho rằng sự chuyển động của cái bàn, sự bay bổng của cái ghế và những tiếng gõ nhịp là kết quả của năng lượng cơ bắp thuộc người đồng cốt hay khách viếng thăm; ta nên chuyển sang chú ý tới một dạng nào đó của loại thần lực này khi nó phô diễn động năng của mình. Ta có thể phân loại nó ra thành các hiện tượng lạ biểu thị trí thông minh cũng như trao truyền thông tin và hiện tượng lạ thuần túy biểu lộ năng lượng vật lý. Thuộc lớp thứ nhất và xếp hàng đầu ta có cái gọi là “tiếng gõ của vong linh”. Chính những tín hiệu đơn giản này đã làm bộc phát cái phong trào hiện đại mà ta gọi là Thần linh học. Những tiếng phản kích nghe thấy được này biến thiên mức độ từ âm thanh của một tiếng tích tắc nho nhỏ cho đến tiếng gõ búa hoặc gõ vồ đủ mạnh để làm tan nát một cái bàn bằng gỗ gụ. Dòng lực tâm linh tạo ra chúng dường như tùy thuộc vào trạng thái của người đồng cốt kết hợp với tình hình điện khí và độ ẩm của bầu khí quyển. Khi một trong hai thứ đó bất lợi thì những tiếng gõ nếu có nghe được cũng chỉ nhỏ thôi, khi cả hai hài hòa thì những tiếng gõ lớn nhất và dai dẳng nhất. Tự bản thân chúng thì hiện tượng tiếng gõ này cũng đủ kỳ diệu rồi, thế nhưng chúng còn cả trăm lần hơn thế nữa khi ta thấy nhờ có chúng mà các sinh linh thông tuệ tự xưng là bạn bè đã quá cố của ta có thể giao tiếp được với ta. Cuộc giao tiếp ấy thường tiết lộ những điều bí mật mà chỉ có kẻ điều tra mới biết thôi còn chẳng ai khác đang có mặt biết được; trong những trường hợp hiểm hoi, thậm chí nó còn cung cấp những sự kiện mà chẳng có người nào hiện diện trong phòng lúc bấy giờ biết và mãi sau này người ta mới kiểm chứng được bằng cách tham khảo những tài liệu ghi chép thời xưa hoặc tham vấn những nhân chứng ở xa. Có một dạng tiếng gõ thanh lịch hơn, đó là tiếng nhạc giống như cú gõ trên một cái ly bằng thủy tinh hay một cái chuông bằng bạc mà ta nghe thấy được hoặc là phát ra từ bàn tay của người đồng cốt hoặc là giữa không trung. Người ta đã thường lưu ý thấy hiện tượng lạ đó ở nhà của ông Stainton Moses tức “M. A. Oxon” và ông Alfred R. Wallace cũng mô tả nó xảy ra ngay tại nhà của ông Wallace trước sự có mặt của cô Nichol, nay là bà Volckmann. Người ta đặt một ly để uống rượu vang trống rỗng trên bàn do cô Nichol và ông Humphrey vịn chặt để ngăn ngừa nó rung rinh. Ông Wallace cho chúng tôi biết rằng “sau một thời gian ngắn im lặng, người ta nghe thấy một âm thanh cực kỳ thanh bai giống như tiếng gõ vào cái ly, nó tăng âm lên những nốt lạnh lạnh giống như tiếng leng keng của cái chuông bằng thủy tinh. Những tiếng này tiếp tục ở các mức độ khác nhau trong một vài phút v.v. . .” Ông Wallace lại bảo rằng khi một mình phụ nữ người Đức hát lên một bài ca bằng tiếng Đức thì kèm theo tiếng hát của bà có “một âm nhạc tinh tế nhất giống như một thùng nhạc cụ tuyệt hảo . . . Điều này xảy ra trong bóng tối nhưng lúc nào cũng có thể có đồng lửa”. Bà Blavatsky có cho phép nhiều người hiện diện trong thánh phòng hôm nay được nghe những tiếng chuông leng keng du dương như kiêu thần tiên từ khi bà đến Simla. Nhưng họ nghe tiếng ấy trong ánh sáng thanh thiên bạch nhật không có người đồng lửa và ở bất cứ nơi đâu mà bà chọn để phục vụ họ. Hiện tượng này chẳng khác gì hiện tượng cô Nichol nhưng tình huống thì khác hẳn và tôi sẽ còn nói thêm một điều gì nữa về nó.

Ông Crookes thấy dòng thần lực biến thiên rất nhiều nơi cùng một người đồng cốt vào những ngày khác nhau và nơi người đồng cốt biến thiên từ phút này sang phút khác thì dòng thần lực chạy rất lung tung. Trong tác phẩm của mình ông có trình bày một số bản in khắc gỗ để minh họa những sự biến thiên ấy cùng với khí cụ tinh xảo mà ông dùng để dò tìm các biến thiên.

Trong số nhiều ngàn cuộc giao tiếp được gán cho là giao tiếp với các vong hồn vốn được công khai phổ biến, hầu hết chỉ chứa đựng những thông điệp tầm thường về gia đạo hoặc chuyện cá nhân, chi tiết của chúng ít ra thì người điều tra cũng có biết được và ta có thể gán cho đó là đọc tư tưởng của người điều tra; đôi khi chúng tôi gặp một số trường hợp cần phải giải thích khác đi.

Tôi có ý muốn nói những chi tiết được nhắc đến mà không ai có mặt trong buổi lên đồng biết. Ông Stainton Moses có ghi được một số trường hợp như thế khi một thông điệp đưa ra ở Luân đôn với ngụ ý xuất phát từ một ông già đã tham chiến ở Mỹ trong cuộc chiến tranh năm 1812 và đã tử trận ở đó. Chẳng ai ở Luân đôn đã từng nghe nói tới nhân vật ấy, nhưng khi người ta lục tìm trong kho tài liệu ghi chép của Bộ Quốc Phòng Mỹ tại Washington thì tìm thấy tên của người ấy và hoàn toàn bổ chứng được cho thông điệp ở Luân đôn. Vì không tiếp cận được với sách vở ở đây cho nên tôi bắt buộc phải tường thuật theo trí nhớ, nhưng tôi nghĩ rằng quý vị ắt thấy, xét về cốt lõi, thì những điều tôi trình bày là chính xác. Trong một trường hợp khác được ông J. M. Peebles xác nhận, nhà quý tộc này nhận được – hoặc là ở Mỹ hoặc là ở một nơi nào khác xa tít khỏi nước Anh – một thông điệp được qui cho là của một vong hồn, y bảo rằng mình đã sống và chết ở New York và nếu ông Peebles lục tìm văn khố của đô thị cổ ấy thì những phát biểu của vong hồn sẽ tỏ ra hoàn toàn chính xác. Theo thời gian ông đến viếng thăm New York và khi lục lợi sổ hộ tịch khai sinh và khai tử ở đó thì ông tìm được đúng những dữ kiện mà người ta đã hứa với ông.

Ngoài việc giao tiếp bằng tiếng gõ, cái gọi là các vong hồn còn sử dụng nhiều phương tiện khác để truyền tin cho người sống. Trong số đó có việc độc lập viết những thông điệp lên giấy đặt trên sàn nhà dưới cái bàn hoặc trong một ngăn kéo đóng kín, giữa những trang sách đóng kín, trên trần nhà hoặc trên tường hay khăn trải giường; trong những trường hợp ấy không hề có bàn tay con người nào ở gần nơi mà chữ viết hiện ra. Tôi đã thấy tất cả những hiện tượng này xảy ra dưới ánh sáng thanh thiên bạch nhật và trong tình huống đó thì không thể dùng mảnh khốe bịp bợm được. Tôi cũng đã có một kinh nghiệm thỏa thích về năng lực đồng cốt hiếm có của Tiến sĩ Henry Slade; các bạn hẳn còn nhớ ông đã bị bắt giam vì một lời vu cáo ông thiếu trung thực ở Luân đôn, nhưng sau đó ông đã trình diễn một loạt những cuộc trắc nghiệm hoàn chỉnh nhất trước mặt Zollner và các nhà bác học đồng chí ở Leipzig, Aksakof, Boutlerof và Wagner, ở Saint Petersburg, cũng như Đại Hầu tước Constantine. Chính bà Blavatsky và tôi đã biệt phái Tiến sĩ Slade từ Mỹ đi Âu châu từ năm 1876. Một nhân vật rất cao cấp đã đặt hàng một cuộc điều tra của khoa học về Thần linh học, các giáo sư ở Đại học Hoàng gia Saint Petersburg đã tổ chức một Ủy ban thực nghiệm; Ủy ban này đã đặc biệt yêu cầu hai người chúng tôi tuyển lựa ra từ trong đám đồng cốt ưu tú nhất ở Mỹ người nào mà chúng tôi có thể tiến cử đem ra trắc nghiệm. Sau khi nghiên cứu nhiều lần chúng tôi chọn Tiến sĩ Slade; người ta đã gửi cho tôi ngân quỹ cần thiết để chi tiêu cho việc của ông và đến đúng lúc thì ông được tiến cử ra nước ngoài. Trước khi tôi giới thiệu chọn ông thì tôi yêu sách điều kiện là ông phải được trắc nghiệm trong tầm tay của một Ủy ban thuộc Hội Thông Thiên Học trước đã. Tôi cố tình chọn những thành viên của Ủy ban này là những người là rõ ràng đa nghi hoặc là hoàn toàn không quen biết với các hiện tượng lạ của Thần linh học. Slade được trắc nghiệm rất ráo trong nhiều tuần và khi cuối cùng Ủy ban Thông Thiên Học báo cáo thì người ta chúng nhận các sự kiện sau đây đã xảy ra. Các thông điệp được viết ở bên trong bảng đá gồm hai lớp đôi khi được dán lại hoặc ép lại với nhau trong khi các bảng đá ấy hoặc là nằm trên bàn mà ai cũng thấy được hoặc là đặt trên đầu của các Ủy viên của Hội đồng, hoặc là

nằm ép bên dưới bề mặt của cái bàn, hoặc là nằm trong tay một người thuộc Ủy ban mà không có người đồng cốt chạm vào. Chúng tôi cũng thấy có những bàn tay rời ra – nghĩa là bàn tay trôi nổi hoặc lao vọt qua không trung mà không có cánh tay hoặc thân mình gắn vào đó. Những bàn tay này chụp lấy sợi dây đeo đồng hồ của chúng tôi, nắm lấy tay chân chúng tôi, chạm vào bàn tay chúng tôi, giựt lấy những băng đá hoặc các đồ vật khác bên dưới bàn, móc lấy những khăn mùi xoa từ trong túi áo của chúng tôi v.v. . . . Và xin quý vị lưu ý rằng mọi chuyện này xảy ra trong ánh sáng, nơi mà mọi cử động của người đồng cốt đều có thể bị nhìn thấy rành rành giống như bất kỳ thính giả nào hiện diện có thể thấy được.

Có một dạng truyền tín hiệu khác đó là việc người đồng cốt bị bắt buộc viết ra các thông điệp khi một quyền năng vô hình nào đó kiểm soát bàn tay và cánh tay của y bất chấp ý chí của y. Chẳng những hàng ngàn mà còn hàng vạn trang giấy đã từng được viết ra theo kiểu cơ bút này, một số đề tài cũng đáng được lưu trữ, nhưng phần lớn chỉ là văn chương ba xu.

Có một phương pháp khác là sinh linh thông tuệ vô hình gây ấn tượng lên bộ óc nhạy cảm của một người đồng cốt bằng những ý tưởng và ngôn từ ngoài tầm hiểu biết của chính y, chẳng hạn như ngoại ngữ, tên người chết, hoàn cảnh chết của họ, yêu cầu thanh lý tài sản, ra lệnh tìm lại những tài liệu hoặc đồ vật quý đã bị thất lạc, thông tin về chuyện sát nhân hoặc bị kịch từ xa mà người chết chính là nạn nhân, chẩn đoán những bệnh còn đang thời ủ bệnh và gợi ý liệu pháp điều trị v.v. . . . Quý vị ắt thấy có nhiều ví dụ trong mỗi nhóm hiện tượng lạ này đã được ghi chép lại và được kiểm chứng thỏa đáng.

Trong tác phẩm *Vùng đất còn tranh chấp* của Dale Owen có tường thuật một giai thoại rất thú vị về lai lịch của một chiếc đàn cổ mà người ta mua được ở một tiệm bán đồ cũ ở Paris do cháu của nhà soạn nhạc nổi tiếng Bach vớ được. Chi tiết rất ly kỳ và quý vị nên đọc vì thiếu thời giờ cho nên tôi không thể đi sâu vào chi tiết thêm nữa của đề tài này.

Nhưng trong số mọi sự giao tiếp thông minh của thế giới bên kia với thế giới của chúng ta, dĩ nhiên không điều gì so sánh được với hiện thực đáng kinh ngạc về những tiếng nói nghe thấy được. Tôi đã nghe thấy những tiếng nói thuộc đủ mọi âm lượng, từ tiếng thì thầm kể sát bên tai nghe như tiếng rì rào của ngọn gió hiu hiu thổi qua cành cây, cho tới tiếng rền vang như sấm hâu như làm căn phòng rung chuyển và cách căn nhà cả chục thước vẫn còn nghe thấy được. Tôi đã nghe thấy những tiếng nói với mình đi xuyên qua những cái ống bằng giấy, qua những cái kèn bằng kim loại và qua không gian trống rỗng. Trong trường hợp người đồng cốt lừng danh trên thế giới là William Eddy, thì những tiếng nói này nói bằng bốn ngôn ngữ mà người đồng cốt thì dốt đặc cán mai. Chẳng bao lâu nữa tôi sẽ nói tới hiện tượng lạ của Eddy.

Một trong những hiện tượng lạ hay ho nhất – tôi xin nói là hấp dẫn nhất ngoại trừ việc nhớ lại âm nhạc thần tiên trong các hiện tượng đồng cốt – là việc mang những đóa hoa còn tươi đẫm ướt sương mai, cây cối và cây nho cùng với các sinh vật như chim chóc, cá vàng và bướm vào trong các buồng kín khi người đồng cốt rõ ràng không tự mình mang chúng vào được. Ở nhà bạn tôi, đích thân tôi đã giữ tay một người đồng cốt mà trước đó tôi đã chụp lên đầu y một cái bao rồi thất lại ở cổ y bằng dải rút và trong nhà không có đồng lửa; trên tròn cái bàn có phủ đầy những bông hoa, cây cỏ và chim chóc bay phấp phới vào lòng tôi, mà chúng ở đâu ra thì có trời mới biết được. Chuyện này xảy ra khi mọi cửa ra vào và cửa sổ đều đóng chặt lại còn được dán kín bằng những dải giấy để không ai ra vào được. Những hiện tượng lạ này xảy ra hầu hết là trong bóng tối, nhưng có một lần tôi thấy một cảnh cây được mang vào phòng giữa lúc thanh thiên bạch nhật. Có một lần tôi hiện diện ở buổi lên đồng tại nước Mỹ khi nhà quý tộc yêu cầu “các vong linh mang lại cho mình một cây nhỏ trồng ở vùng đất đầm lầy tại Tô cách lan; đột nhiên một cây bị nhổ bật gốc và đất tươi rói còn bám vào rễ rớt độp xuống bàn ngay trước mặt tôi.

Có một ví dụ rất thú vị về loại hiện tượng không thông minh mà tôi lưu ý trong quá trình tìm kiếm một người đồng cốt để biệt phái đi Nga. Một bà đồng cốt tên là bà Youngs lừng danh vì đã khiến cho cây dương cầm bốc lên khỏi sàn nhà, đu đưa ăn nhịp với việc bà chơi dương cầm. Có một buổi chiều bà Blavatsky và tôi đến viếng thăm bà đồng cốt, thế là ngày hôm sau trên báo chí ở Nữ Ước có tường trình chuyện xảy ra. Khi bà đồng cốt ngồi chơi dương cầm thì nó chắc chắn là nghiêng đi trên hai cái chân ở phía ngoài (hai cái chân ở cách xa bà nhiều hơn) còn hai cái chân ở gần bà nhấc cao lên khỏi mặt đất từ 6 tới 8 phân Anh và đu đưa ăn nhịp với tiếng nhạc. Thế rồi bà Youngs đi tới một bờ mép của chiếc dương cầm, đặt chỉ một ngón tay vào mặt bên dưới của thùng đàn và dễ dàng nhấc bổng cái trọng lượng khổng lồ ấy lên. Nếu bất kỳ ai trong quý vị thử tính toán khối lượng lực tâm linh cần phải dốc vào đó thì quý vị hãy thử nhấc một bên của cái đàn dương cầm có bảy bát độ rưỡi xem nó có bổng lên được 6 phân Anh tính từ sàn nhà hay chẳng. Để trải nghiệm sự thực của hiện tượng lạ này tôi đã mang theo một quả trứng còn tươi mà tôi nắm trong lòng bàn tay rồi tì nhẹ nó vào một đầu ở mặt bên dưới của thùng đàn dương cầm. Sau đó tôi yêu cầu bà đồng cốt đặt lòng bàn tay của bà lên trên mu bàn tay đang nắm giữ quả trứng của tôi, rồi bảo bà ra lệnh cái đàn dương cầm bay bổng lên. Chỉ cần một lúc ngưng lại là tôi sững sốt khi thấy một đầu đàn dương cầm bốc lên mà không có bao nhiêu áp lực đè lên quả trứng nhằm làm bể vỏ trứng. Với tư cách một cuộc trải nghiệm về tính chân thực của lực tâm linh, tôi nghĩ rằng đây hầu như là một cuộc thực nghiệm mang tính thuyết phục chẳng kém gì cái bồn chứa nước và cái cân lò xo của ông Crookes. Ít ra thì đó cũng là điều chứng nhận đối với bản thân tôi vì tôi có thể đoan chắc rằng người đồng cốt không gây một áp lực lên mu bàn tay tôi nhiều hơn trọng lượng một ounce (gần 30 gr) và hoàn toàn chắc chắn rằng chỉ cần một áp lực khoảng 100 gr là đã làm vỡ vụn cái vỏ mỏng tanh của quả trứng.

Một trong những biểu lộ không thể chối cãi được của lực độc lập là việc nhấc lên hoặc làm di chuyển một trọng lượng nặng nề mà không có người tiếp xúc với nó. Cùng với nhiều nhà khảo cứu khác tôi đã chứng kiến điều này. Khi ngồi tại một cái bàn ở giữa căn phòng khách của mình được chiếu sáng, tôi đã thấy chiếc đàn dương cầm bốc lên và di chuyển rời xa bức tường một bộ Anh, một cái tay ghế nặng nề bằng da phóng từ một góc ở xa hướng về phía chúng tôi rồi chạm vào người khi không có ai ở trong vòng cả chục bộ Anh cách xa chúng. Vào một dịp khác, người bạn đã quá cố của tôi và là giáo sư hóa học, ông Mapes, vốn là một người rất lực lưỡng cùng với hai người khác cũng cường tráng như vậy được yêu cầu ngồi lên trên một bàn ăn làm bằng gỗ gụ. Thế là tất cả được nhấc bổng lên khỏi mặt đất, người đồng cốt chỉ đặt một tay trên nóc của cái bàn. Ở nhà của bà Youngs vào buổi chiều tối mà ta đã nêu trước kia cũng có nhiều người như vậy ngồi trên nóc của cái đàn dương cầm được nhấc bổng lên cùng với nhạc cụ ấy trong khi bà đang chơi một bản waltz. Trong tài liệu ghi chép có đầy những ví dụ mà các căn phòng hoặc ngay cả trọn căn nhà bị một lực huyền bí làm cho chấn động và rung chuyển dường như thể có một cơn bão đang thổi qua mặc dù bầu không khí vẫn yên tĩnh.

Và ta có bằng chứng của các ngài Lindsay, Aberdare, Dunraven và những nhân chứng khác không thể bác bỏ được; họ công nhận sự kiện cơ thể của một người đồng cốt trôi nổi xung quanh căn phòng rồi bay lướt qua một cửa sổ cách mặt đất 70 bộ Anh để lại đi vào một cửa sổ khác. Điều này xảy ra trong ánh sáng mờ mờ, nhưng trong ánh sáng nhá nhem tôi có thấy một người bị nhấc bổng ra khỏi cái ghế ngồi cho đến khi đầu bà ta cao bằng những quả cầu trên cái đế đèn, thế rồi lại từ từ hạ xuống.

Quý vị ắt thấy tôi đang kể cho quý vị nghe những câu chuyện kỳ diệu đến nỗi nếu không được bổ chứng bằng kinh nghiệm cá nhân của mình thì chẳng ai có thể hoàn toàn tin được. Quý vị hãy tin tôi đi, tôi ắt chẳng kể cho quý vị nghe – vì đâu có ai muốn bị người khác nghi ngờ lời của mình – nếu tôi không hoàn toàn biết rõ là những hiện tượng như thế đã được chứng kiến

hàng trăm lần ở hầu hết mọi xứ sở dưới ánh mặt trời, và bất cứ ai dành thời giờ khảo cứu chúng đều có thể thấy được. Mặc dù tôi chối bỏ nhưng quý vị có thể nghĩ rằng tôi đang coi là chuyện hiển nhiên quý vị hoàn toàn thỏa mãn giống như bản thân tôi về tính chân thật của các hiện tượng đồng cốt, nhưng tôi đoán chắc rằng tôi không có ý đó. Tôi luôn luôn nhớ rằng cho dù thánh giả có thể tôn trọng sự liêm khiết và tài khéo của tôi, cho dù rõ ràng là y có thể thấy tôi chẳng có động cơ thúc đẩy tôi hậu nào nhằm lừa gạt y; thế nhưng y *không thể* tin được nếu bản thân y chưa có những bằng chứng thuyết phục mà chính tôi đã có. Y ắt hẳn – bởi vì y nhất định phải – suy nghĩ rằng những chuyện như thế nằm ngoài tầm kinh nghiệm thông thường của con người và theo cách diễn tả của Hume thì thật là hợp lý hơn khi tin rằng người ta nói dối thay vì tin rằng lộ trình bằng phẳng của định luật thiên nhiên bị xáo trộn. Quả thật điều đó giả định một tiêu đề phi lý là người bình thường biết được đâu là giới hạn của định luật thiên nhiên, nhưng chúng ta chưa bao giờ coi ý kiến mình là phi lý, bất chấp người khác nghĩ như thế nào đi chăng nữa. Như tôi vừa mới nhận xét, vì biết rằng điều mà tôi miêu tả đã từng được hàng ngàn người chứng kiến và bất cứ lúc nào khác hàng ngàn người khác cũng có thể chứng kiến được, cho nên tôi tiến hành kể chuyện với vai trò là người nói sự thật và cây ngay không sợ chết đứng. Thật là một chuyện kỳ diệu khi điều mà chúng tôi đã được chứng kiến hiện nay độc lập với sự quan tâm trịnh trọng gắn liền với vấn đề liệu người chết có giao tiếp với chúng ta hay chẳng vì ta không thể đánh giá thấp tầm quan trọng của sự kiện này về mặt khoa học. Ngay từ đầu – nghĩa là trải qua suốt 28 năm mà tôi quan sát – tôi đã từng đeo đuổi cuộc điều tra theo tinh thần ấy vì tin rằng con người ắt thấy tầm quan trọng tối cao của nó khi nhận biết được mọi điều mà ta có thể biết về quyền năng của con người và các lực thiên nhiên xung quanh mình.

Bây giờ điều mà tôi sẽ tường trình về cuộc phiêu lưu ở Eddy Homestead tại Vermont, nước Mỹ, ắt thử thách lòng độ lượng của quý vị hơn hẳn những điều trước kia. Trong một số năm trước năm 1874, tôi đã từng tích cực quan tâm tới các hiện tượng đồng cốt. Người ta chẳng tường trình được điều gì đặc biệt mới lạ và thông tin mà các đồng cốt cung cấp thường không đủ mang tính giáo huấn để khiến người ta phải rời bỏ sách vở cùng với những tác giả nổi tiếng. Nhưng vào năm ấy, nghe đồn là ở một làng hẻo lánh trong thung lũng Green Mountains, có một người nông dân thất học và anh em của y cũng dốt nát như vậy, hằng ngày lại được những vong hồn “hiện hình” ra đến viếng thăm mà bất cứ người khách nào cũng có thể nhìn thấy, nghe thấy và có những trường hợp sờ thấy được. Tin sốt dẻo hấp dẫn ấy khiến tôi quyết định phải làm nhân chứng vì nó chắc chắn là có mức độ thú vị và tầm quan trọng vượt xa bất cứ điều gì mà ta nghe nói tới vào bất cứ thời đại nào. Thế là vào tháng 8 cùng năm, tôi đi tới Chittenden, là ngôi làng được nhắc đến, tôi ở lì đó cho tới cuối tháng 10 mà chỉ có một thời gian tạm ngưng ngắn ngủi là 10 ngày. Tôi hi vọng rằng quý vị ắt tin tôi đã chọn theo mọi sự phòng ngừa khả hữu để không bị đám dân quê dùng mảnh khỏe biến mình thành trò cười cho thiên hạ. Căn phòng có ma là một buồng lớn chiếm trọn cả tầng trên của một chái nhà có hai tầng. Nó có lẽ rộng 20 bộ Anh, dài 40 bộ - tôi nói theo trí nhớ. Ở tầng dưới có hai phòng: một nhà bếp và một kho trữ đồ ăn; ở đầu hồi nhà có một ống khói của nhà bếp cổ nhiên nó phải đi xuyên qua căn phòng lên đồng để tới tận nóc nhà. Nó xuyên qua căn phòng ở mức 2 bộ Anh, còn ở bên phải, giữa nó và bên hông căn nhà có một buồng kín trét thạch cao với một cửa ra vào ngay kế bên ống khói. Một cửa sổ hình vuông, mỗi bề 2 bộ Anh, in sâu vào tường bên ngoài của căn phòng kín để thông gió. Chạy dọc theo đầu bên này của căn buồng lớn là một bức giảng hẹp, được đắp cao khoảng 18 bộ Anh so với nền nhà, có nấc thang để leo lên ở ngay đầu mút phía bên trái cùng với tay vịn cầu thang hoặc cái lan can dọc theo mặt trước của cái bức giảng. Mỗi buổi chiều sau bữa ăn cuối cùng, William Eddy (một nông dân lực lưỡng, vai hình vuông, tay chân gân guốc) ắt leo lên cầu thang và treo một tấm khăn len dày ngang qua cửa ra vào rồi bước vô trong phòng kín ngồi trên một cái ghế thấp đặt ở đầu mút căn phòng. Khách viếng thăm (đôi khi lên tới 40 người mỗi buổi chiều) an tọa trên những ghế dài đặt trong vòng vài bộ Anh xung quanh cái bức giảng. Horatio Eddy ngồi trên một cái ghế phía

trước mặt phát ra một điệu nhạc vĩ cầm thể lương rồi lĩnh xướng – nếu ta có thể gọi điều đó như vậy mà không khiến cho hồn Mozart phải mệt mỏi sống dậy; có một đèn dầu đặt trên sàn nhà ở đầu mút căn phòng cách xa bục giảng nhất, nó được đặt vào trong một cái trống cũ đã bị lấy mất hai đầu cho nên chỉ phát ra ánh sáng yếu ớt. Mặc dù ánh sáng chắc chắn là rất mờ, thế nhưng nó cũng khiến cho chúng tôi thấy được liệu có ai rời bỏ chỗ ngồi của mình hay chẳng và qua bóng tối chúng tôi có thể phân biệt được chiều cao và y phục của khách viếng thăm từ thế giới bên kia cửa tử. Trong buổi lên đồng đầu tiên thì khó mà nhìn thấy, nhưng chẳng bao lâu sau việc thực hành đã khiến cho mắt người ta được điều tiết làm quen với tình huống ấy.

Sau một thời gian hát hò và kéo vĩ cầm (đôi khi 5 phút, đôi khi tới 20 phút hoặc 30 phút) chúng tôi ắt thấy cái khăn lay động rồi bị vén lên và từ bục giảng bước ra một hình người nào đó. Có thể là đàn ông, đàn bà hoặc con nít, một cựu chiến binh già lụ khụ hoặc một em bé sơ sinh do một người phụ nữ ẵm trên tay. Hình người này tuyệt nhiên chẳng có điều gì là siêu tự nhiên hoặc ma quái. Một người lạ bước vào đầu bên kia của căn buồng ắt chỉ tưởng tượng rằng một kẻ phạm phu còn sống nào ấy đang đứng ở đó sẵn sàng thuyết trình trước thánh giả. Quần áo của nó cũng giống như y phục sinh hoạt hàng ngày, mặt mũi, tay chân, dáng vẻ của nó hoàn toàn tự nhiên thoải mái. Đôi khi nó còn gọi tên người bạn đang sống mà nó tới để hội ngộ. Nếu nó khỏe mạnh thì giọng nói ắt có âm lượng tự nhiên, nếu nó yếu thì lời nói nghe cứ như tiếng thì thầm; nếu nó yếu hơn nữa thì chẳng nghe nói gì hết mà chỉ thấy hình người đứng dựa vào ông khối hoặc tay vịn cầu thang trong khi đám thánh giả lần lượt hỏi “có phải bạn của tôi không?” và nó hoặc là cúi đầu hoặc là gõ nhẹ tạo một âm thanh trên bức vách khi đứng người nó cần gấp nêu lên câu hỏi. Thế rồi một khách viếng thăm bắn khoắn ắt nhô người về phía trước, căng mắt ra nhìn vào dáng vẻ của hình người dưới ánh sáng mờ mờ để rồi chúng tôi thường nghe thấy một tiếng hét thất thanh mừng rỡ “ôi mẹ, cha, chị, em, con trai, con gái của tôi” hoặc không biết chừng là “tôi biết ông rồi”. Thế là người ta thấy người khách viếng thăm quái đản ấy cúi rạp đầu xuống hoặc dang rộng tay ra để rồi dường như thu hết tàn lực cuối cùng lướt trở lại vào trong buồng kín khi tấm khăn lại phủ xuống trước cặp mắt hau háu đăm đăm nhìn của khán giả. Nhưng có khi hình người ấy tồn tại lâu hơn nhiều. Lắm lần tôi đã thấy từ trong buồng kín bước ra một bà già mặc đồng phục của phái Quaker có mũ vải phin và khăn quàng gài kim trên ngực, áo dài màu xám, yếm nội trợ, bà gọi con trai của mình lên bục giảng, ngồi kế bên y trong một cái ghế dựa rồi sau khi âu yếm hôn nó, bà nói chuyện vài phút với nó bằng giọng thì thầm về chuyện gia đạo. Lúc nào bà cũng có vẻ đắn trí vân về đường viển của cái yếm rồi lại thả nó ra và cứ tiếp tục như vậy làm đi làm lại đúng hệt như - theo lời con trai bà kể lại với tôi – bà vẫn có thói quen làm như thế trong lúc sinh tiền. Có nhiều lần đúng ngay khi bà sẵn sàng biến mất thì nhà quý tộc này lại níu tay bà dắt ra tới tận lan can và bảo rằng ông được mẹ già – người mà chúng tôi thấy ở đó mặc dù bà đã qua đời nhiều năm rồi – yêu cầu chứng nhận đó chính thật là bà chứ không phải chuyện lừa gạt để cho người ta hiểu ra rằng con người vẫn còn sinh hoạt bên kia cửa tử và vì vậy khi sống trên dương thế phải sống sao cho bảo đảm được hạnh phúc ở thế giới bên kia.

Trong một vài phút của bài thuyết trình này tôi không thể toan tính cung cấp cho quý vị ngay cả chỉ phác họa sơ lược về những quan sát của tôi trong những tuần lễ đầy sóng gió ấy. Chỉ cần nói rằng tôi đã thấy một buổi có khoảng 17 người *đội mồ sống dậy* và từ đầu chí cuối tôi đã thấy chừng 500 người. Chỉ có một ít người dường như đặc biệt gắn bó với phạm vi ảnh hưởng của người đồng cốt, kỳ dư là bạn bè của những người xa lạ xuất hiện trước những kẻ hằng ngày bu đồng đảo nơi ấy xuất phát từ những địa phương xa nhất – một số địa phương xa tới tận hai ngàn dặm Anh. Có những người Mỹ và người Âu châu, người Phi châu và người Á châu, người da đỏ sống ở vùng đồng cỏ và người da trắng, mỗi người đều mặc quần áo quen thuộc, một số người thậm chí còn mang theo cả những vũ khí quen thuộc. Có một buổi chiều, hình một người Kurd – một người mà bà Blavatsky có quen biết ở Kurdistan – bước từ phòng

kín ra, đội một cái mũ vải cao, chân đi giày boots cao, quần áo bảnh bao. Trong cái khăn quần chặt quanh thắt lưng của y có giắt một lưỡi gươm cong và những vũ khí nhỏ khác. Tay y thoạt đầu trông rỗng nhưng sau khi chào mừng bạn tôi theo kiểu dân địa phương thì xem kìa tay phải của y đang cầm một ngọn giáo dài 12 bộ, ở bên dưới mũi nhọn bằng thép còn có cả một chùm lông vũ. Thế mà giả sử rằng người đồng cốt nông dân ấy đã từng bị bọ bọ thì ở cái thôn xóm hẻo lánh này y kiếm đâu ra bộ quần áo người Kurd đó, thắt lưng, vũ khí và nhất là cái ngọn giáo vào lúc mà chúng tôi vừa nhắc tới – bởi vì bà Blavatsky chỉ mới đến Chittenden cho nên cả bản thân tôi lẫn người nào khác chẳng ai biết lai lịch của bà cũng như bà từ đâu đến. Tôi đã từng miêu tả mọi kinh nghiệm của mình ở đó, trước hết là trong một loạt những bức thư gửi cho một tờ báo ở New York, rồi sau đó là dưới dạng sách [*Tác phẩm Người về từ Thế giới bên kia*] và tôi khuyên kẻ nào tò mò hãy tham khảo tài liệu ấy để có chi tiết cả về những gì tôi đã chứng kiến lẫn những điều phỏng chừng của tôi để khỏi bị lừa gạt. Chắc chắn là có hai điều xảy ra trong trí quý vị khi tôi đang nói (a) có một kẻ đồng lõa hoặc nhiều đồng lõa tiếp cận với người đồng cốt qua cửa sổ của căn phòng riêng hoặc là quần áo, búp bê đã được tuồng cho y từ phía dưới thông qua một nắp hầm hoặc một tấm ván kéo trượt. Có nhiên bất cứ ai chẳng mất công suy nghĩ cũng có thể giả định như vậy. Tôi cũng đã từng nghĩ như thế và làm như sau. Tôi kiếm một cái thang rồi leo lên phía bên ngoài căn nhà, may lược một tấm vải mỏng trùm lên toàn bộ cái cửa sổ, kể cả khung cửa kéo nữa rồi niêm phong những chỗ may lược ấy bằng sáp đóng dấu ấn bằng ấn triện trên cái nhẫn đeo tay của tôi. Việc này sẽ ngăn cản hữu hiệu bất cứ chuyện lảm cẩm nào xuất phát từ cái góc đó. Thế rồi tôi cầu viện tới một kiến trúc sư, một người Mỹ tài khéo phát minh về máy móc cùng với tôi khảo sát tỉ mỉ thực tiễn ống khói, sàn nhà, bục giảng, những căn phòng ở tầng trệt và mái gỗ phía trên đầu. Tất cả chúng tôi hoàn toàn thỏa mãn khi thấy nếu trường hợp này mà có mảnh khõe gì thì chỉ mỗi một mình William Eddy là thủ phạm chứ không có đồng lõa và nếu y dùng bộ y phục trên sân khấu hoặc các tư trang khác thì y phải mang kẻ kẻ theo mình. Trong cái lỗ nhỏ xíu của căn buồng kín không hề có một ngọn nến, cái gương soi, bàn chải, tóc giả, quần áo, bồn nước, khăn mặt, son phấn trang điểm, cũng chẳng có đạo cụ nào khác của diễn viên; mà nói thật ra thì người nông dân nghèo đào đâu ra tiền để mua sắm. Y không đòi tiền thù lao cho buổi lên đồng và khách viếng thăm chỉ trả một số tiền rất nhỏ là được bao ăn ở tại chỗ. Tôi đã ngồi hút thuốc với y ở dưới bếp cho đến khi bắt đầu buổi lên đồng, đi kẻ kẻ theo y lên buồng trên, khảo sát căn buồng kín trước khi y bước vào, lục soát người y; thế mà tôi vẫn cứ thấy chính những hình người kỳ diệu ấy xuất hiện như thường lệ với đủ thứ y phục. Tôi nghĩ rằng mình có thể tự cho là đã tiến hành rất thận trọng vì trong một bài tranh cãi gần đây với giáo sư W. B. Carpenter, ông A. R. Wallace, hội viên Hội Hoàng gia, đã trích dẫn và ca ngợi quyền sách của tôi. Bản thân ông Carpenter đi Mỹ để điều tra xem coi tính tình tôi có ngay thật không rồi cũng phải công khai thừa nhận là không thể nghi ngờ được. Giáo sư Wagner ở Saint Petersburg đã duyệt công trình ấy trong một tập sách nhỏ đặc biệt – trong đó ông đã khẳng định rằng tôi đã hoàn thành mọi yêu cầu về nghiên cứu khoa học – còn ba hội Tâm lý học Âu châu thì đã bầu tôi làm hội viên Danh dự. Ta cũng nên lưu ý rằng với 4 năm khảo sát nhiều khô và rất có trách nhiệm phục vụ cho Bộ Quốc phòng – trong trận chiến tranh vừa qua ở Mỹ mà chính nhà cầm quyền đa đo đã chứng nhận cho việc phục vụ của tôi – tôi có đủ tư cách để tiến hành việc điều tra với ít ra là mức chắc chắn có thể nếu tôi không bị áp đặt điều gì. Như vậy, sau khi đã thấy mọi điều được phác họa cho mình thì liệu quý vị có lấy làm ngạc nhiên chẳng khi tôi hoàn toàn tin chắc vào sự thực của một số lớn các hiện tượng tâm linh mà khoa học đang cố gắng một cách tuyệt vọng để đưa ra lời giải thích. Liệu quý vị có lấy làm lạ chẳng khi bất cứ nhà khoa học nào từ năm 1848, sau khi đã kiên nhẫn nghiêm chỉnh điều tra về Thần linh học hiện đại đều trở thành một kẻ được cái giáo bất kể đức tin tôn giáo hoặc khuynh hướng nghề nghiệp của y?

Việc đề cập đến tôn giáo đưa tôi tới một sự kiện chắc chắn. Trong khi hiện nay Giáo hội Tin lành cứ khẳng khái chối bỏ sự thực về những biểu lộ như thế của các tác nhân huyền bí, thì

Giáo hội Roma luôn luôn công nhận là đúng sự thật. Trong tiêu đề của Giáo hội vẫn có những dạng đặc biệt trục tà, và khi cô Laura Edmonds, con gái cưng của nhà thẩm phán người Mỹ được trọng vọng nêu trên, một trong những người đồng cốt đáng chú ý nhất của phong trào hiện đại – liên kết với Giáo hội Công giáo thì linh mục nghe cô xưng tội là một huynh ở New York theo phái thánh Phao lô đã trục được “đám ma quỷ” ám ảnh cô sau khi – theo lời ông kể với tôi – có một trận thư hùng quyết chiến. Chính Đức Giáo hoàng đã quá cố nguyên rủa thuật đồng cốt là một công cụ nguy hiểm của phái Tà, rồi cảnh báo tín đồ đừng có lần la tới phòng lên đồng vì các tác nhân ở đó có thể hủy hoại linh hồn. Ở Pháp, trong vòng vài năm vừa qua có xuất hiện một loạt sách của Hiệp sĩ des Mousseaux đã được các giám mục Công giáo nhiệt liệt tán thưởng, chúng đặc biệt được thiết kế để sưu tầm bằng chứng nổi bật nhất của tác nhân ma quỷ trong các hiện tượng lạ. Đó đều là các kho chứa có giá trị về những sự kiện thông linh mà người ta đặc biệt nên đọc, nhất là quyển *Phong tục và Phép thực hành của Ma quỷ* đối với mọi người nghiên cứu Huyền bí học. Tác giả cần cù này dĩ nhiên là chẳng thuyết phục được ai chấp nhận các tiêu đề của mình ngoại trừ trong giới Công giáo, nhưng các sự kiện mà ông nêu ra thật gợi ý và đáng hoan nghênh. Mặc dù tôi chẳng bao giờ có chút xiu óc chính thống tôn giáo nào và chẳng hề có thiện cảm với thuyết ma quỷ, thế nhưng sau khi đã học được khoa tâm lý học Á đông thì tôi thấy phái Công giáo còn gần sự thật hơn hẳn phái Tin lành khi họ công nhận và cảnh báo trước nguy cơ đồng cốt, chứ Tin lành chỉ mù quáng chối bỏ sự thật của những hiện tượng lạ này. Đồng cốt thật sự là nguy hiểm và tôi chưa bao giờ muốn thấy một người mà tôi quan tâm lại trở thành đồng cốt. Người Ấn độ - vốn đã biết những hiện tượng này từ xưa từ xưa rồi – gọi những nạn nhân này bằng một tên gọi thích hợp nhất là *bhitta dak* tức là tiền đồn của ma quỷ. Tôi thành thật hi vọng rằng sớm muộn gì thì người ta cũng sẽ nghiên cứu kinh nghiệm của Ấn độ về vấn đề này; và nếu người ta muốn khuyến khích tục đồng cốt thì người ta phải đặt nó vào một khuôn khổ bảo vệ giống như những bà đồng cốt thời xưa trong các đền thờ đã từng được các tu sĩ điếm đạo đồ chăm chú để mắt tới. Đây không phải là ngôn ngữ của nhà Thần linh học và tôi cũng đâu phải theo Thần linh học; thật ra thì tôi tin một cách không dè dặt và sự thực của các hiện tượng lạ cùng sự tồn tại của lực tâm linh, nhưng ở đây tôi cũng đồng ý với các nhà Thần linh học. Đó là vì trong hơn 20 năm, tôi đã đồng ý với họ và chia sẻ cùng với ông Owen và ông Wallace niềm tin chắc rằng ta không thể gán cho hiện tượng lạ bất kỳ tác nhân nào khác hơn là của người quá cố. Tôi không thể hiểu được làm sao giải thích trí thông minh ẩn sau những pha trình diễn ấy nhất là trong những trường hợp mà tôi có nhắc tới khi những sự kiện được tường thuật chẳng ai có mặt nơi buổi lên đồng biết được và chỉ được kiểm chứng mãi sau này ở những xứ xa xôi; nhưng cho đến khi hội ngộ với bà Blavatsky ở nhà Eddy thì thậm chí tôi còn chưa biết có một khoa học tên là Huyền bí học Á đông. Tôi coi những chuyện kể của đám du khách và chuyện kể trong 1001 đêm chỉ là những lời ngoa ngoắc hoang đường; và mọi điều được viết ra về đám sơn đông mãi võ ở Ấn độ cùng với thần thông của các vị ẩn sĩ dường như chỉ là tường trình về những trò ảo thuật thành công. Bây giờ tôi nhìn lại thì mới thấy cuộc hội ngộ ấy là diễn biến diễm phúc nhất đời tôi, vì nó soi sáng cho mọi góc ngách tối tăm, đưa tôi tới sứ mệnh phò trợ cho khoa huyền bí học Aryan vốn đang càng ngày càng được người ta miệt mài nghiên cứu. Tôi thật hân hạnh chẳng những góp phần vào việc mở rộng biên cương của khoa học Âu Tây bằng cách chỉ ra đâu là chỗ mà người ta có thể nghiên cứu thực nghiệm về các bí mật của thiên nhiên và con người để cho những người Anh Ấn phải kính nể hơn đối với quốc gia thần phục mà mình đang cai trị; tôi lại còn góp phần vào việc làm nhen nhúm bên trong lòng giới thanh niên Ấn độ sự tự hào về di sản tổ tiên quang vinh và mong muốn bắt chước tiền nhân đạt được những thành tựu cao cả về Khoa học và Triết học. Thưa quý ông, quý bà, đây là lý do duy nhất khiến cho chúng tôi đến với Ấn độ; điều này giải thích được mối quan hệ nồng thắm của chúng tôi với dân tộc quý vị, lòng tôn kính của chúng tôi với các đạo sĩ yoga chân chính. Mỗi một người trong quý vị cứ mong ngóng đến ngày mình sẽ hồi hương về quê cha đất tổ là nước Anh, còn chúng tôi xin chọn nơi này làm quê hương nghĩa là xin gửi năm xương tằm nơi đây.

Những tờ bướm quảng cáo đã loan báo việc tôi đắc cử Hội trưởng Hội Thông Thiên Học và quý vị tề tựu nơi đây để học biết xem Thông Thiên Học là gì và nó quan hệ ra sao với Thần linh học.

Thế thì tôi xin nói theo ý nghĩa được sử dụng bởi những người tiên phong thì thuật ngữ này có nghĩa là **minh triết thiêng liêng** hoặc **hiểu biết về minh triết thiêng liêng** hoặc **hiểu biết về việc thiêng liêng**. Những người soạn từ điển đã gây tò mò cho ý tưởng này bằng cách gọi ý rằng nó nghĩa là hiểu biết về Thượng Đế mà Đấng thiêng liêng trong trí óc họ lại là một đấng nhân hình; nhưng đó không phải là ngụ ý của các nhà Thông Thiên Học tiên phong. Xét về cốt lõi thì Hội Thông Thiên Học khuyến khích người ta trau dồi sự hiểu biết mới lạ về những điều còn ẩn tàng trong vũ trụ qua đường lối giáo dục để hoàn thiện những quyền năng ẩn tàng nơi chính mình. Thông Thiên Học khác hẳn với triết học cũng như thần học. Nói thật ra thì khi nghiên cứu về bản chất và các thuộc tính của Thượng Đế, triết học hoàn toàn tiến hành theo phương pháp biện chứng, đặt cơ sở cho sự khảo cứu dựa trên những ý tưởng xuất phát từ lý trí tự nhiên; thần học vẫn sử dụng phương pháp ấy nhưng thêm thắt vào các nguyên tắc của lý trí tự nhiên bằng những nguyên tắc rút ra từ thần quyền và thiên khai. Ngược lại, Thông Thiên Học công khai loại trừ mọi tiến trình biện chứng và rút ra mọi sự hiểu biết về Thượng Đế từ trực giác và sự nhập định. Ngay từ thời xa xưa nhất mà chúng ta còn bảo tồn được bất cứ sử liệu nào thì đã có Thông Thiên Học rồi, và mọi bậc giáo chủ đều là người mưu cầu minh triết thiêng liêng bằng tiến trình tự giác ngộ của Thông Thiên Học. Thời nay liệu ta biết tìm ở đâu ra phương tiện để theo đuổi công trình nghiên cứu vinh quang ấy? Ở đâu mà có những trường huấn luyện xứng đáng được gọi là kế nghiệp cho các trường của phái Tân Platon ở Alexandria, phái Đạo trưởng ở Ai cập, phái được thần linh dạy dỗ ở Hi Lạp và nhất là các bậc thánh triết ở Aryavarta, vốn là các điểm đạo đồ cao cả nhất ngoại trừ Đức Phật Thích Ca toàn giác vô nhiễm.

Chúng ta hãy nhớ rằng việc nghiên cứu Thông Thiên Học đòi hỏi người ta phải thật sự thâm nhập vào các bí pháp để trở thành một *người giác ngộ* chân chính. Những tham dục của xác thịt, niềm kiêu hãnh trong cuộc sống, những thành kiến về gia thế, chủng tộc, tín điều (đến mức sinh ra giáo điều) đều phải bị dẹp hết sang một bên. Thể xác phải phục vụ thuận lợi cho chơn ngã thay vì ức hiếp chơn ngã. Những thanh sắt ngục tù Giác quan đã giam cầm con người Vật chất phải được mở khóa để cho trong khi vẫn sinh hoạt đóng một vai trò nơi ngoại giới; nhà Thông Thiên Học vẫn có thể hướng nội, hoạt động trong đó rồi lại trở ra vì trong đó có đầy đủ sự thật thiêng liêng. Chúng ta thắc mắc chẳng biết liệu có hay chẳng những người như thế, những bán thần linh như thế? Có chứ, đã có và đang có. Các huyền thoại trong quá khứ đối với chúng ta dường như có vẻ thắm đượm sự sai lầm, hoang đường và thậm chí hoang tưởng nữa; tuy nhiên những người như thế đã tồn tại và hiển lộ thân thông ở nhiều xứ sở, trong nhiều thời kỳ khác nhau.

Và không ở đâu hơn xứ Ấn độ - cái xứ sở được Mặt trời ban phúc – mà lại có người nghèo khổ, xuống tinh thần, đói khát và suy thoái đến thế. Đây là nơi chôn nhau cắt rốn của Thông Thiên Học cổ truyền, ở đây trên vùng núi Hi mã Lạp sơn cao sừng sững tím mù đã có sống những con người đạt vinh dự là được truyền dạy minh triết thiêng liêng. Minh triết này là một nguồn cội bồi đắp chảy qua các kinh dẫn của Hi Lạp và Ai cập để hướng về phương Tây. Dù quý vị có tin tôi hay chẳng thì tôi vẫn hoàn toàn tin chắc rằng trong những thành lũy này từ bầu không khí đạo đức bị ô nhiễm của sinh hoạt xã hội vào thế kỷ 19 xa rời khỏi tai họa và sự hành hạ của thói ngu tín và mê tín dị đoan thiếu khoan dung ngày nay, xa rời khỏi ác ý độc hại của lòng đa nghi, vẫn còn có những người lưu luyến vốn là các nhà Thông Thiên Học chân chính. Không lạc quan cũng chẳng bi quan, nhưng tôi không lấy làm hài lòng trước việc dân tộc chúng ta có số phận bị hủy diệt hiện nay hoặc trong tương lai, ý thức đạo đức của xã hội cũng không thể bị suy giảm nếu không có sự đổi mới thường xuyên từ cội nguồn tổ tông.

Tôi quan niệm cái cội nguồn ấy là việc nghiên cứu Thông Thiên Học và sự giác ngộ tự thân; tôi coi người nào vạch đường chỉ lối cho kẻ đa nghi, kẻ đang thất vọng, kẻ mỏi mệt với thể gian, kẻ đói khát trong lòng thì người ấy chính là bậc ân nhân cho đồng loại vì những hư danh của thể gian không thỏa mãn được những khát vọng của linh hồn, và ta chỉ có thể đạt được chân hạnh phúc nhờ vào việc tự thân phát triển trong nội tâm thanh tẩy và giác ngộ. Ất là sẽ không có phù hợp với những nguyên tắc trừu tượng về Công bằng khi ta bỏ mặc cho thể gian hoàn toàn không có gương mẫu nào để noi theo về minh triết tâm linh. Tôi không tin điều này đã hoặc sẽ mãi mãi như thế.

Đối với kẻ nào bước theo lộ trình nỗ lực này thì các hiện tượng đồng cốt là cực kỳ quan trọng vì chúng đưa y vào địa hạt của cõi Vô hình, chỉ cho y thấy một số bí mật kỳ quặc nhất trong bản chất con người. Cùng với thuật đồng cốt, y còn nghiên cứu từ khí sinh vật, các định luật và hiện tượng của nó và Odyle của Nam tước Richenbach cũng đều cho ta thấy thực chất và tính phân cực của Lực này; sự thật là nó dường như tương cận với một lực vĩ đại duy nhất thấm nhuần trọn cả thiên nhiên. Y sẽ rút ra được thêm bằng chứng qua thuật trắc tâm của Buchanan cùng với các thí nghiệm đối với những người mà y thấy được thiên phú về năng lực trắc tâm. Nếu có ai ở đây cảm thấy đó là một từ ngữ mới lạ thì tôi xin bảo rằng đây là một tên gọi mà người khám phá ra nó thời nay dùng để chỉ một quyền năng nào đó mà cứ bốn người thì có một người sở hữu; y có thể nhận được các ấn tượng trực giác về tính tình của người viết một lá thư hoặc vẽ một bức tranh bằng cách trực tiếp tiếp xúc với bản thảo chữ viết tay hoặc bức tranh vẽ. Mọi người trong chúng ta đều thường xuyên để lại ấn tượng về tính tình của mình tồn đọng trong mọi vật mà chúng ta có tiếp xúc, cũng giống như đá nam châm truyền lại một số đặc tính của mình cho mọi cây kim mà người ta cạ vào nó. Có một điều tinh vi nào đó – từ khí tức lưu chất sinh động, tức lực thông linh – thường xuyên rỉ rịn ra khỏi chúng ta. Chúng ta để nó tồn đọng lại trên mặt đất khiến cho con chó tìm thấy chúng ta, nó tồn đọng trên quần áo của chúng ta khiến cho con chó săn theo người nô lệ đánh hơi được đường đi nước bước của kẻ nghèo khó chạy trốn về nơi trú ẩn. Chúng ta làm cho nó thấm đẫm những bức tường trong nhà mình và một nhà trắc tâm nhạy cảm khi bước vào phòng khách nhà ta trước khi hội ngộ với gia quyến vẫn có thể nói không sai lắm liệu đây là một gia đình hạnh phúc hay một gia đình lục đục. Chúng ta bị nó vây quanh như một bầu hơi nhạy cảm và khi chúng ta gặp nhau thì chúng ta lặng lẽ tiếp nhận một ấn tượng về việc chúng ta thích hợp với nhau hay phản cảm với nhau. Phụ nữ có nhiều ý thức này hơn đàn ông và đã có nhiều trường hợp khi trực giác tiên tri của bà vợ đối với một kẻ mới quen nào đó bị ông chồng chế nhạo và gạt bỏ ngoài tai, thì sau này được nhớ lại một cách tiếc nuối vì lẽ ra mình không nên xem thường nó. Các nhà trắc tâm học lỗi lạc thậm chí có thể rút ra được một ấn tượng sống động về mọi hoạt cảnh trong lịch sử xuất phát từ một mảnh vật chất vô tri vô giác chẳng hạn như một chút xี้u của tòa nhà cổ kính hoặc một mảnh vụn của bộ quần áo cũ. Khi biểu lộ cao độ thì khoa trắc tâm trở thành thần nhãn chân thật; lúc bấy giờ thị giác của linh hồn thực sự mở ra, con mắt bên trong ta vốn chưa bao giờ mờ xỉn chỉ cho ta thấy những điều Bí ẩn của Vũ trụ Vô hình.

Thông Thiên Học cho người nghiên cứu biết tiến hóa là sự thật nhưng cơ tiến hóa không phải chỉ riêng phần và bất toàn theo cách trình bày trong thuyết của Darwin. Cũng như có một cơ tiến hóa trong thiên nhiên vật lý mà đỉnh cao và tinh hoa của nó là con người vật thể, cũng vậy có một cơ tiến hóa song hành trong lãnh vực tinh thần. Kết quả của cơ tiến hóa này là con người nội tâm tức tâm linh; và cũng giống như trong vũ trụ hữu hình xung quanh ta thấy có hằng hà sa số hình tướng tiến hóa thấp hơn bản thân ta, cũng vậy nhà Thông Thiên Học tìm thấy trong *vùng đất chưa ai biết* của nhà vật lý – lãnh vực “Bất khả tri” – vô số loại hình tâm linh thứ yếu mà con người đang đứng đầu vòng cung đi lên. Nhà vật lý chỉ biết các nguyên tố xét về tính chất hóa học hoặc những tương quan động lực học; nhưng người này đã quán triệt được Khoa học Huyền bí ẩn tìm thấy trong lửa, không khí, đất và nước có những cấp đẳng

sinh linh dưới nhân loại, một số thù địch, một số gây thuận lợi cho con người. Chẳng những y biết được về các sinh linh ấy mà còn đạt được khả năng kiểm soát chúng. Chuyện dân gian trên thế giới thấm đẫm nhiều sự thật về khả năng này; mặc dù nhà sinh học thời nay tỏ ra khinh thường nó, song le đây lại là sự thật. Người nào nguyên quán ở Ái Nhĩ Lan hoặc vùng sơn cước Tô cách lan ắt biết được những sinh linh này có tồn tại. Tôi không phỏng đoán đâu mà tôi *biết* điều ấy. Tôi nói một cách bình tĩnh và táo bạo như thế về đề tài này vì tôi đã gặp những người tinh thông Huyền bí học Á đông và thấy họ hiển lộng thần thông. Chính vì thế mà tôi mới không còn tự xưng là nhà Thần linh học vào năm 1874 để rồi đến năm 1875 tôi hợp tác với những người khác để sáng lập ra Hội Thông Thiên Học ngõ hầu xúc tiến việc nghiên cứu những hiện tượng tự nhiên này. Tôi đã thấy một người học được các khoa bí nhiệm ở Ấn độ và Ai cập tùy ý tạo ra những sự kiện kỳ diệu nhất về thuật đồng cốt ngay dưới ánh sáng thanh thiên bạch nhật. Trong những tình huống ấy, tôi đã thấy hàng loạt đóa hoa hồng rơi xuống phòng, những bức thư từ các xứ sở xa xôi được người ta gửi tới rồi rớt từ trên không trung xuống lòng tôi, tôi đã nghe thấy tiếng nhạc du dương văng vẳng từ xa trên không trung rồi càng ngày càng lớn dần lên cho tới khi nó vào tận phòng để rồi lại dịu bớt đi trong bầu không khí im lặng cho đến khi tắt hẳn. Tôi đã thấy chữ viết xuất hiện trên giấy và trên bảng đá đặt trên sàn nhà, những bức vẽ trên trần nhà quá tầm với của bất cứ người nào, những bức tranh trên giấy mà không thấy dùng tới bút chì hoặc màu vẽ, những bài báo được sao chép lại trước mắt tôi, một người còn sống tức khắc biến mất ngay trước mắt tôi, lọn tóc đen được cắt ra từ đầu của một người đầu tóc bù xù, tôi đã thấy trong một khối pha lê những người bạn đang vắng mặt và những phong cảnh ở xa; còn ở nước Mỹ có tới hơn 100 lần khi mở bức thư viết về đủ thứ đề tài mà bưu điện mang đến cho tôi từ những người viết thư liên lạc với tôi ở khắp mọi nơi trên thế giới, tôi đã thấy bên trong đó có viết theo thủ bút quen thuộc thông điệp dành cho tôi xuất phát từ những người đang ở Ấn độ vốn có được hiểu biết về định luật thiên nhiên theo Thông Thiên Học. Ở đâu đó, có mỗi một lần tôi đã thấy triệu thỉnh tới trước mắt tôi một nhân vật đã được “hiện hình” hoàn toàn giống bất kỳ nhân vật nào đã từng bước ra khỏi cái phòng kín kỳ diệu của William Eddy. Nếu đó không phải là điều kỳ diệu khi một nhà Thần linh học chứng kiến những hiện tượng lạ về đồng cốt mà chẳng biết gì về khoa huyền bí học cho nên mới tin vào sự can thiệp của vong hồn người chết, thì liệu có gì lạ lắm hơn chẳng khi một người như tôi sau khi tiếp nhận biết bao nhiêu bằng chứng về điều mà ý chí lão luyện của con người có thể thành tựu được, lại trở thành một nhà Thông Thiên Học chứ không phải là nhà Thần linh học nữa? Thậm chí tôi cũng chưa dốc hết toàn bộ danh mục những bằng chứng mà tôi đã biết chắc trong vòng 5 năm vừa qua về thực tại của khoa tâm lý học Á đông; nhưng tôi hi vọng là mình đã liệt kê đủ để chứng tỏ cho quý vị thấy rằng ở Ấn độ có những điều bí nhiệm đáng được mưu tìm, và thiên hạ ở đây quen thuộc với các lực huyền bí trong thiên nhiên hơn bất cứ nhà quý tộc nào đã từng hành nghề giáo sư và nhà sinh học. Người ta ắt hỏi biết đâu những bằng chứng mà tôi đưa ra về các hiện tượng thông minh của giới đồng cốt lại chẳng được gán cho những người bạn đã quá cố của chúng ta. Để trả lời tôi xin hỏi liệu có bằng chứng nào không chối bỏ được là có những người bạn ấy chẳng? Nếu người ta có thể chứng tỏ rằng phần hồn của người đồng cốt còn sống – mà chính bản ngã trên cõi trần của y vẫn chưa có ý thức về nó – có thể rịn ra và nhờ vào bản chất có thể thiên biến vạn hóa để khoác lấy dáng vẻ của bất cứ người quá cố nào do nó thấy hình ảnh trong trí nhớ của khách viếng thăm; nếu mọi hiện tượng lạ ấy đều có thể được một nhà tâm lý học có giáo dục tùy ý tạo ra; nếu hình ảnh của mọi người và mọi diễn biến cũng như rung động của mọi âm thanh đều được bảo tồn mãi mãi trong chất æther của khoa học – *Ākāśa* của người Ấn độ, Hồn thể giới (*Anima Mundi*) của nhà Thông Thiên Học, Tinh tú quang (*Astral Light*) của phái Kabbalah – theo như các nhà huyền bí học đã khẳng định và chứng tỏ bằng thực nghiệm; nếu mọi điều này đều đúng sự thật thì tại sao lại cần phải cầu viện tới vong hồn người chết để giải thích những điều mà người sống có thể thực hiện được? Chừng nào chưa tiếp cận được với một thuyết khác cạnh tranh thì các nhà Thần linh học vẫn là thành trì kiên cố chống lại khoa học duy vật, phương án của họ là đường lối khả hữu duy nhất để giải thích điều mà họ chứng

kiến. Nhưng nếu đã có sẵn một thuyết cạnh tranh cho thấy nguồn dữ liệu của tâm lý học và bản chất của Vũ trụ Vô hình thì ta thấy các nhà Thần linh học ngay tức khắc bị dồn vào thế thủ mà không có khả năng bịt miệng được những người phê phán. Kể nào quan sát hời hợt ắt bảo rằng chẳng hạn như hình ảnh của bà già theo phái Quaker không thể là gì khác hơn ngoài cái vong hồn của bà trở lại – con trai bà không thể nhầm lẫn và nếu có chút nghi ngờ nào khác thì sự hiểu biết quen thuộc của bà về chuyện gia đạo thậm chí cái thói quen cũ của bà cứ hết về tròn rồi lại buông ra cái yếm nội trợ làm bằng vải mịn của mình ắt đã nhận diện được bà rõ ràng. Nhưng nhân vật ấy chẳng làm hoặc nói điều gì không in hằn sâu trong trí nhớ của đứa con trai cho dù những ấn tượng đã bị ngủ quên ấy từ lâu rồi có thể bị những hình ảnh mới mẻ hơn làm cho mờ tối đi. Cơ thể người đồng cốt đang lên cơn xuất thần thì sinh lực hoạt động của y bèn được truyền cho cái bản ngã bên trong tức là cái song trùng thể (double), song trùng thể ấy có thể xuất hiện dưới dạng người mệnh phụ đã quá cổ thu tóm và bình luận những diễn biến quen thuộc mà nó tìm thấy trong bầu hào quang từ điện của đứa con trai. Quý vị ắt khó mà hiểu được điều này vì cho đến nay các khám phá khoa học phương Tây chưa hề băng qua được ngưỡng cửa của thế giới Thần lực ẩn tàng này. Nhưng tiên bộ là định luật trong tư tưởng của con người và giờ đây ta đang đến gần bờ mép của cái vực thẳm phân chia khoa học vật lý với khoa học tâm linh đến nỗi chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ bắc cầu vượt qua vực thẳm ấy. Cứ coi đây là lời tiên tri đi, nếu quý vị kiên nhẫn chờ đợi thì quý vị ắt thấy có ngày nó sẽ được thực hiện. Bấy giờ thái độ của các phe sẽ khác đi. Việc truyền bá quan điểm của chúng tôi cùng với nhiều phức tạp của những người chứng kiến tận mắt về những sự việc do các hội viên Thông Thiên Học thực hiện đã khiến cho thiên hạ bàn tán xôn xao trên khắp thế giới. Một số lớn những nhà Thần linh học thông minh đã gia nhập hàng ngũ chúng tôi và khích lệ công trình của chúng tôi. Các nhóm cảm tình viên đã được tổ chức thành các chi bộ ở nhiều xứ khác nhau, ngay cả ở đây, tại Simla cũng đã nảy sinh ra một hạt nhân vốn sẽ trở thành một Chi bộ Anh Ấn. Không một xứ sở nào trên thế giới lại cung cấp được một môi trường rộng lớn để nghiên cứu tâm lý học như ở Ấn độ. Ở đây người ta đã biết tới và thực hành cái mà người Âu Tây gọi là Từ khí Động vật dưới dạng hoàn thiện nhất từ biết bao thế kỷ nay. Người Ấn độ cũng biết rất rõ nguyên sinh khí nơi con người, động vật và cây cỏ. Nếu quý vị tìm kiếm khắp nơi ở Ấn độ thì quý vị ắt tìm thấy dân bản xứ có sở hữu nhiều sự thật mà Âu Mỹ rất cần biết tới. Và quý vị là những nhà quý tộc thuộc các nhánh quân sự và dân sự phục vụ cho công ích, ắt là những người thích hợp để đảm đương công trình này với sự trợ giúp của người Ấn độ. Quý vị cứ đối xử công bằng và tử tế với họ thì họ sẽ kể cho quý vị cả ngàn chuyện mà hiện nay họ đang giấu kín trong nội bộ. Chính sách của chúng tôi nói chung là hòa giải và hợp tác để tìm ra sự thật. Một số kẻ hốt lẻo đã bắt đầu phức tạp rằng Hội chúng ta đang rao giảng một tôn giáo mới. Điều này không đúng sự thật: Hội không có tôn giáo nào khác hơn so với Hội Nghiên cứu Á châu của Hoàng gia, Hội Địa lý học Hoàng gia hoặc Hội Thiên văn học Hoàng gia. Cũng như các hiệp hội này có những phân bộ riêng, mỗi phân bộ dành cho một chuyên ngành khảo cứu nào đó; chúng tôi cũng có những phân bộ như thế. Chúng tôi tiếp nhận mọi người thuộc đủ mọi tôn giáo và mọi chủng tộc, đối xử với mọi người trân trọng và vô tư bình đẳng. Trong hàng ngũ của chúng tôi có những người mang dòng máu vương giả, quý tộc và thứ dân. Hội viên chúng tôi có Edison, Wallace, Camille Flammarion, ngài Lindsay, Nam tước Du Potet và ông lão bát tuần Cahagnet cùng với cả chục người có phẩm chất trí thức như thế. Chúng tôi chỉ có một tham vọng, đam mê cháy bỏng – muốn biết con người là gì và có bản chất ra sao. Có ai ở đây mà chẳng đồng cảm với những khát vọng ấy hay chăng? Có ai mà lại chẳng cảm thấy trong lòng mình le lói việc mưu tìm nhân tính chân chính, có ai dám đánh giá cao minh triết thiêng liêng hơn hẳn những danh dự và phần thưởng của cuộc sống nơi trần thế hay chăng? Thế thì những anh em đang mơ mộng ấy hãy cứ đến đây để cho chúng ta kết hợp những nỗ lực và thiện chí của mình. Ta hãy làm hết sức mình để phục hồi lại từ trong quên lãng hàng thế kỷ cái tri thức vô giá về những sự việc thiêng liêng mà chúng ta gọi là Thông Thiên Học.

H Ế T

Tài liệu sưu tầm từ Hội Thông Thiên Học Việt Nam, 482 Võ Di Nguy Phú Nhuận, Gia Định + Hội Thông Thiên Học Hoa Kỳ + Hội Thông Thiên Học Thế giới ở Adya, Madras, India, sách lưu giữ tại Chi Bộ Dưới Chơn Thầy, số 17 Hùng Vương, Thị Xã Vĩnh Long. cổ Chi Bộ Trưởng : Vương Kim Liêng, Phó CHT: Hà Phước Thảo, Thơ ký: Nguyễn Thành Hồ, Thuyết Trình viên: cổ Học giả Nguyễn Minh Tâm, nhà nghiên cứu viết nhiều sách và dịch sách của Krisnamurti.

Thư Viện Viện Đại Học Cao Đài Học Hàm Thụ miễn phí, in kinh, sách, tài liệu miễn phí, khỏi đăng ký, khỏi Password.

<http://caodaigiaoly.free.fr/>